

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/HC-PT

Ngày 23/01/2026

V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành chính và hành vi hành chính*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thúy Hà;

Ông Đinh Duy Việt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*** Bà Đinh Thị Thanh Huế - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2025/TLPT-HC ngày 20/11/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*”.

Do Bản án sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐ-PT ngày 23/12/2025, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1972; CCCD số 030072008320; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- ***Người bị kiện:*** Thuê cơ sở 14 thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Khu dân cư X, xã T, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng P - Trưởng thuê cơ sở 14. Đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị U – Phó trưởng thuê cơ sở 14 (theo công văn về việc phân công cán bộ số 71 ngày 31/7/2025). Có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: Xã H, thành phố Hải Phòng. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T1 - Chủ tịch UBND xã H. Có mặt.

+ Văn phòng đăng ký đất đai - Sở nông nghiệp và môi trường thành phố H; Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Đỗ Thành H - Giám đốc Văn phòng Đ. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030175008697. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Viết T trình bày:

Tháng 5/1994, UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương có thực hiện giao đất cho một số hộ gia đình với chính sách giãn dân để làm nhà ở, trong đó có hộ gia đình ông T. Vị trí đất của gia đình ông được giao tại khu vực Đầu Cầu, thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương (cũ) với diện tích là 120m².

Sau khi được giao đất, gia đình ông đã xây dựng nhà kiên cố và ở ổn định từ đó tới nay. Từ tháng 9/2023, gia đình ông bắt đầu xây dựng hồ sơ đề nghị UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Ngày 03/04/2024, gia đình ông nhận được thông báo của Chi cục thuế khu vực N (nay là Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng) xác định gia đình ông phải nộp tiền sử dụng đất là 546.000.000đ, theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT của Chi cục thuế khu vực N. Ông cho rằng Thông báo thuế của Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng dựa trên kết quả xác định vị trí thửa đất của Chi nhánh Văn phòng Đ là không đúng. Bởi vì vị trí thửa đất hộ gia đình ông được giao nằm trên đường A nhưng không nằm tại khu vực đầu mỗi giao thông. Đối chiếu với điểm 3, Mục I Thông tư liên tịch số 94TT/LB ngày 17/08/1994 thì vị trí thửa đất của gia đình ông được giao là đất ở nông thôn, không phải đất ven đầu mỗi giao thông và đường giao thông chính nên việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai xác định thửa đất của ông bà là đất khu dân cư ven đầu mỗi giao thông và trục đường giao thông chính vào năm 1994 là chưa phù hợp theo Thông tư liên tịch hướng dẫn của Bộ T5, Bộ X và T6, dẫn đến việc Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng xác định gia đình ông phải nộp tiền sử dụng đất là 546.000.000đ theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024 là không đúng.

Ông nhận thấy việc ban hành Thông báo thuế của cơ quan thuế như vậy là không đúng nên không nộp tiền thuế, do vậy cơ quan thuế đã ra các văn bản gồm: Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024; Thông báo tiền thuế nợ số 54336/TB-QLN ngày 13/12/2024; Quyết định cưỡng chế thi hành số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024 là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Do đó ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng hủy các văn bản nêu trên. Đồng thời ông đề nghị Tòa án yêu cầu Văn phòng Đ thực hiện lại việc xác định vị trí thửa đất đúng quy định của pháp luật vào thời điểm giao đất năm 1994, theo hướng vị trí thửa đất của gia đình ông T là đất ở nông thôn, loại 1, không phải đất đầu mỗi giao thông và trục giao thông chính.

Đại diện theo ủy quyền cho người bị kiện là Thuế cơ sở 14 trình bày: Căn cứ Công văn số 35/CV-CNTH ngày 29/3/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đ gửi Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng đã xác định thửa đất của ông Nguyễn Viết T do UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giao không đúng thẩm quyền năm 1994 có vị trí nằm ven đường tỉnh lộ 390 thuộc địa phận xã T (trước đây là đường tỉnh lộ 190A). Căn

cứ theo Quyết định 1416b-QĐ/UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H thì đất thuộc khu dân cư các vùng “ven đầu mỗi giao thông, trục giao thông chính”, do đó Văn phòng Đ đề nghị cơ quan thuế xác định và ban hành thông báo về nghĩa vụ tài chính theo mức giá là: $60.000đ/1m^2$. Người nộp tiền đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính $1.818.000đ/60.000đ = 30,3m^2$; Diện tích chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính là: $75,8 - 30,3 = 45,5m^2$.

Căn cứ theo thông tin về xếp đoạn đường, khu vực tại Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính của Chi nhánh văn phòng đất đai huyện Đ số 509/PCTTĐC ngày 26/02/2024, áp dụng Bảng giá theo Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh H thì: Số tiền sử dụng đất được tính như sau: $45,5m^2 \times 12.000.000đ = 546.000.000đ$.

Do ông Nguyễn Viết T chưa thực hiện nộp tiền theo Thông báo nộp tiền về tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024 nên căn cứ quy trình quản lý nợ, quá hạn nộp 90 ngày thì cơ quan thuế phải ban hành các thông báo, quyết định cưỡng chế nợ để đôn đốc nộp theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo tiền thuế nợ số 54336 ngày 13/12/2024; Quyết định về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024. Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024;

Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng ra các quyết định, thông báo trên cơ sở pháp lý được nêu cụ thể trên các thông báo, quyết định. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, UBND xã H, thành phố Hải Phòng, trình bày: Tại thời điểm giao đất năm 1994, vị trí đất của ông T là khu vực nông thôn, không nằm ven thị trấn, thị tứ nào, thị trấn T được thành lập năm 1997. Tuy nhiên, đất giao cho nhà ông T có mặt tiền nằm tiếp giáp với đường tỉnh lộ 390 (trước đây là đường tỉnh lộ 190A). Do vậy, vị trí phần diện tích đất của ông T được giao thuộc khu vực “đầu mỗi giao thông và trục giao thông chính”, thuộc loại 2, vị trí 2 tương đương $60.000đ/m^2$ theo Quyết định 1416b-QĐ/UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H như Văn phòng đăng ký đất đai và cơ quan thuế xác định là đúng. Số tiền ông T nộp trước đây còn thiếu theo quy định nên cơ quan thuế ra thông báo nộp số tiền còn thiếu là đúng theo quy định.

Người đại diện theo ủy quyền cho Văn phòng đăng ký đất đai – Sở nông nghiệp và môi trường thành phố H, trình bày:

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ nhận được hồ sơ "Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân", mã hồ sơ: H23.25-240222-0005 mang tên Phạm Thị Q - CMĐXP do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Một cửa UBND huyện T chuyển đến.

Căn cứ Quyết định số 646/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND huyện T (cũ) về việc công nhận quyền sử dụng đất ở tại nông thôn khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Viết T và Phạm Thị Q, địa chỉ thường trú xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Căn cứ Quyết định số 55/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng

12 năm 2019 của UBND tỉnh H Ban hành Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hải Dương được sửa đổi bổ sung tại các quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021, số 18/2023/QĐ-UBND ngày 09/05/2023, số 1858/2023/QĐ-UBND ngày 31/08/2023; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ T5 – Bộ T7 quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, Chi nhánh Văn phòng Đ lập Phiếu chuyển thông tin số 509/PCTTĐC luân chuyển hồ sơ tới Chi cục thuế khu vực N để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế Một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ T5 – Bộ T7 quy định về hồ sơ và trình tự, thủ tục tiếp nhận, luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất; Quyết định số 646/QĐUBND 646/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND huyện T. Văn phòng Đ nhận thấy việc lập Phiếu chuyển thông tin và luân chuyển hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính tại thời điểm hộ gia đình ông T đề nghị UBND huyện T công nhận quyền sử dụng đất đảm bảo theo quy định. Đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Q trình bày: Thống nhất với quan điểm của ông Nguyễn Viết T, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T theo đúng quy định.

Người làm chứng ông Phạm Trung T2 (nguyên lãnh đạo xã T thời điểm 1994), ông Phạm Duy T3 (nguyên kế toán xã T năm 1994) trình bày: Thời điểm này UBND tỉnh có quy hoạch đất ở tại khu vực hiện gia đình ông T đang ở và đồng ý cho địa phương thực hiện chính sách giãn dân đối với các hộ gia đình có đồng người sinh sống trên thửa đất. Tất cả các gia đình được giao đều phải nộp số tiền 1.800.000đ còn 18.000đ là tiền lệ phí để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận nên phiếu thu thể hiện tổng số tiền nộp là 1.818.000đ. Số tiền này là đủ thu đủ cho số đất được giao và địa phương đã nộp đủ vào Ngân sách Nhà nước. Thời điểm năm 1994, xã T là khu vực nông thôn, phần đất ông T được giao phía sau là nghĩa địa nên không có dân cư sinh sống. Chợ Nửa thời điểm này chỉ là chợ tạm phục vụ cho các hộ gia đình sinh sống lân cận, không có sự giao thương với các địa phương khác.

Lời khai người làm chứng là ông Nguyễn Viết V trình bày: Gia đình ông cũng được giao đất thời điểm năm 1994 và phải nộp số tiền 1.818.000đ, ông được biết số tiền này tương đương với giá thị trường tại thời điểm đó. Mục đích địa phương cấp đất là để ở nhưng khu vực này trước đây thấp nên gia đình phải tôn tạo vượt lập mới được như hiện nay. Khi mua chính quyền có thông báo số tiền nộp đã đủ để mua toàn bộ diện tích đất được giao.

Bản án sơ thẩm số 03/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, khoản 1 Điều 31, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025; Luật đất đai năm 1993; Luật đất đai 2013; Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014, Thông tư 88/2016 ngày 22/6/2016 của BTC-BTNMT; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viết T:

- Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024; Thông báo tiền thuế nợ số 54336/TB-QLN ngày 13/12/2024; Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024; Quyết định cưỡng chế thi hành số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024, Công văn số 1504/CCTKV-NV ngày 24/4/2024 về việc trả lời kiến nghị khiếu nại của Chi cục Thuế khu vực N (nay là Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng).

- Văn phòng đăng ký đất đai - Sở nông nghiệp và môi trường thành phố H thực hiện việc xác định vị trí đất, loại đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 15/10 và 23/10/2025 UBND xã H và Thuế cơ sở 14 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND xã H và Thuế cơ sở 14 giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người khởi kiện giữ nguyên các quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: UBND xã H và Thuế cơ sở 14 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Văn T4 khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024; Thông báo tiền thuế nợ số 54336/TB-QLN ngày 13/12/2024; Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024; Quyết định cưỡng chế thi hành số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024 của Chi cục thuế khu vực N, tỉnh Hải Dương (nay là Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng). Đây là quyết định hành chính của Cơ quan thuế trong lĩnh vực quản lý nhà nước về thuế. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Tổ tụng hành chính, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về thời hạn kháng cáo: Ngày 27/9/2025 TAND khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm, ngày 15/10 và 23/10/2025 UBND xã H và Thuế cơ sở 14 kháng cáo bản án sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo hợp lệ, đảm bảo thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật TTHC.

- Về nội dung: Xét kháng cáo của UBND xã H và Thuế cơ sở 14 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của TAND khu vực 8 - Hải Phòng:

- Xét yêu cầu khởi kiện: Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024; Thông báo tiền thuế nợ số 54336/TB-QLN ngày 13/12/2024; Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024; Quyết định cưỡng chế thi hành số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024 của Chi cục thuế khu vực N, tỉnh Hải Dương, Công văn số 1504/CCTKV-NV ngày 24/4/2024 về việc trả lời kiến nghị khiếu nại của Chi cục Thuế khu vực N (nay là Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng).

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: Các Thông báo, Quyết định, văn bản trả lời kiến nghị của Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng đảm bảo về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT22/6/2016, Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định 110/QĐ-BTC ngày 14/1/2019 của Bộ trưởng Bộ T5; Điều 21 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế.

Về nội dung: Xem xét về nguồn gốc thửa đất, xác định loại đất, vị trí và nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất của ông T4 thì thấy:

Căn cứ báo cáo nguồn gốc đất của UBND xã T (cũ) và lời khai ông Phạm Trung T2 - nguyên lãnh đạo xã T thời điểm 1994; ông Phạm Duy T3 - nguyên kế toán xã T năm 1994, ông Nguyễn Viết V (*được giao khoảng hơn 100m² đã nộp số tiền 1.818.000đ*) xác định tại thời điểm giao đất năm 1994 thửa đất ông T4 được giao là khu vực nông thôn, phía sau là nghĩa địa nên không có dân cư sinh sống. Chợ Nứa thời điểm này chỉ là chợ tạm phục vụ cho các hộ gia đình sinh sống lân cận, không có sự giao thương với các vùng lân cận và các địa phương khác và ông T4 đã nộp đủ tiền sử dụng đất. Đối chiếu với Quyết định 1416b/QĐ-UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H có hiệu lực được áp dụng tại thời điểm giao đất thì thửa đất của ông

T4 là đất khu dân cư ở nông thôn loại 1 thuộc vị trí 1 (khu dân cư thuộc các xã ven các trục đường giao thông chính) có giá là 11.000đ/m².

Tại Quyết định 1416b/QĐ-UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H quy định:

“2. Đối với đất khu dân cư ở nông thôn:

a. Phân loại đất: Đất khu dân cư ở nông thôn phân làm 2 loại:

- Loại 1: Gồm khu dân cư thuộc các xã ven các trục đường giao thông chính, gần trung tâm các huyện lỵ, thị xã, thị trấn, thị tứ, khu thương mại, du lịch, công nghiệp....”

- Loại 2: Gồm khu dân cư các xã còn lại của vùng đồng bằng và các xã miền núi.

b. Phân loại vị trí: Mỗi loại đất khi dân cư phân làm hai vị trí:

- Vị trí 1. Đất có mặt đường, thuận tiện giao thông, gần trung tâm các xã và trung tâm kinh tế, văn hóa – xã hội.

- Vị trí 2: Đất khu dân cư các vị trí còn lại ở nông thôn”.

Ông T4 được giao 120m² đất, đã nộp số tiền 1.818.000đ thể hiện tại các phiếu thu ngày 7/6/1994 và ngày 19/12/1994 được nộp vào ngân sách xã. Đối chiếu với tiết a điểm 2 mục II và điểm 2 mục I của Bản quy định khung giá đất các loại đất tại H áp dụng để tính thuế chuyển quyền SDD, thu tiền khi giao đất ... kèm theo Quyết định 1416b QĐ/UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H thì số tiền ông T4 phải nộp cho 120m² đất được giao là: 120m² x 11.000đ/m²= 1.320.000đ. Như vậy số tiền ông T4 đã nộp đủ tiền sử dụng đất tại thời điểm giao đất theo mức thu quy định tại Quyết định 1416b QĐ/UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H. Mặt khác Tại Điều 8 Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định trường hợp đất giao không đúng thẩm quyền trong khoảng thời gian từ ngày 15 /10/1993 đến trước ngày 01/7/2004 và có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất theo đúng mức thu quy định của pháp luật đất đai năm 1993 thì không thu tiền sử dụng đất.

Văn phòng Đ xác định thửa đất của ông T4 do UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giao không đúng thẩm quyền năm 1994 thuộc là đất “*ven đầu mối giao thông và trục giao thông chính*” thuộc đất loại 2 vị trí 2 và đề nghị Chi cục Thuế khu vực N ban hành thông báo nghĩa vụ tài chính mức giá 60.000đ/m² đối với ông T4 tuy nhiên chưa chỉ rõ vị trí cụ thể đối với thửa đất của ông T4, không đưa ra cơ sở pháp lý để xác định vị trí thửa đất ông T4 là “*đất ven đầu mối giao thông...*” tại thời điểm giao đất năm 1994 nên không có căn cứ, không phù hợp với quy định tại Quyết định 1416b QĐ/UB ngày 10/12/1993 của UBND tỉnh H, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T4.

Căn cứ đề nghị của Văn phòng Đ, Chi cục thuế khu vực N đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024, Thông báo tiền thuế nợ số 54336/TB-QLN ngày 13/12/2024; Thông báo tạm hoãn xuất cảnh số 5939/TBXC-CCTKV ngày 18/12/2024; Quyết định cưỡng chế thi hành số 739/QĐ-CCTKV-KĐT ngày 17/12/2024 của Chi cục thuế khu vực N, tỉnh Hải

Dương. Do xác định vị trí, loại đất của Văn phòng Đ là không có căn cứ nên các thông báo và quyết định nêu trên của Chi cục thuế khu vực N (nay là Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng) là không có căn cứ pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông T4. Do đó có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T4.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T4 yêu cầu hủy Công văn số 1504/CCTKV-NV ngày 24/4/2024 trả lời kiến nghị khiếu nại của Chi cục N đối với ông T4 xét thấy nội dung công văn này trả lời khiếu nại của ông T4 về xác định loại đất, vị trí thửa đất theo Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2410707-TK0001167/TB-CCT ngày 03/4/2024 của Thuế cơ sở 14 do vậy xác định yêu cầu này không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên cần áp dụng Điều 6 Luật TTHC chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T4 hủy Công văn số 1504/CCTKV-NV ngày 24/4/2024 của Chi cục N .

Từ những phân tích đánh giá nêu trên không chấp nhận kháng cáo của UBND xã H và Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng, giữ nguyên bản án HCST số 03/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016, UBND xã H và Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 242; khoản 1 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận kháng cáo của UBND xã H và Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng, giữ nguyên bản án HCST số 03/2025/HC-ST ngày 27/9/2025 của Tòa án khu vực 8 - Hải Phòng.

2. Về án phí phúc thẩm: UBND xã H và Thuế cơ sở 14 thành phố Hải Phòng mỗi đương sự phải chịu 300.000đ án phí HCPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND Khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS Khu vực 8 – Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Trường

